

Số bản án: **129/2018/DS-ST**.

Ngày: 22/10/2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tnh Tuyên.

2. Ông Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1972.

Bà Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ NDTQ số 3, ấp 10, xã A, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Văn U, theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2018.

2. Bị đơn:

Ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1950.

Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ NDTQ số 6, ấp, xã A, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H, ông T1 có mặt, bà T, ông X vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2018 và quá trình xét xử nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Út H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Kim T trình bày:

Vào khoảng thời gian từ 21/02/2014 đến 20/9/2014, ông và vợ ông là bà Đỗ Thị Kim T có bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm cho ông cho ông Huỳnh Văn X và con là ông Huỳnh Minh T1. Hai bên thỏa thuận theo hình thức xoay vòng, khi xuất chuồng heo, gà (04 tháng), vịt (02 tháng) nên mua sẽ trả tiền thức ăn xong. Việc mua bán có lập hợp đồng, mỗi bên giữ 01 bản. Sau mỗi đợt bán vịt, gà và heo ông T1, ông X có trả tiền thức ăn cho vợ chồng ông nhưng trả không đủ.

Tính đến ngày 29/9/2014, ông X, ông T1 còn nợ số tiền 80.000.000đồng, Hai bên có làm giấy kết nợ có chữ ký của bên mua, sau khi kết nợ, vợ chồng ông nhiều lần yêu cầu bên mua trả nợ nhưng bên mua không trả được nợ và còn cam kết mỗi tháng trả 10.000.000đồng nhưng vẫn không trả được nợ.

Nay ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 và ông X phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc là 80.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/9/2014 âm lịch đến ngày 17/9/2018 âm lịch, tính làm tròn là 46 tháng, lãi suất 0,95%/tháng, thành tiền là 34.960.000đồng.

Tại bản khai và quá trình xét xử bị đơn là ông Huỳnh Minh T1 cùng trình bày:

Cha ông là ông Huỳnh Văn X có nhận được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án mời lần 2 vào ngày 01/10/2018 nhưng cha ông là ông X bị bệnh nên không đến Tòa án được.

Vào năm 2014, ông và cha ông có ký hợp đồng thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với bà T và ông H như ông H đã trình bày. Do chăn nuôi thu lỗ giá cả sụt giảm nên mỗi lần bán heo, gà, vịt ông cũng có trả tiền thức ăn cho ông H và bà T nhưng trả không đủ. Đến ngày 29/9/2014 âm lịch hai bên tổng kết thì ông và cha ông còn nợ lại ông H và bà T số tiền 80.000.000đồng. Đến ngày này thì đại lý ngưng bán thức ăn nuôi heo còn thức ăn vịt gà thì vẫn bán. Lúc đó, ông có thỏa thuận mỗi tháng trả dần 10.000.000 đồng nhưng đến nay không thực hiện được. Cha ông có ký tên vào hợp đồng thỏa thuận mua thức ăn nên ông và cha ông đồng ý liên đới trách nhiệm trả cho ông H và bà T số tiền thức ăn còn nợ là 80.000.000đồng nhưng do khó khăn nên xin trả dần mỗi năm 20.000.000đồng và xin nguyên đơn không yêu cầu tính lãi vì đang gặp khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bà Đỗ Thị Kim T vắng mặt nhưng có ủy quyền hợp lệ cho ông Nguyễn Văn Út H tham gia tố tụng vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Ông Huỳnh Văn X là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông là đúng qui định.

Về nội dung:

Theo nguyên đơn trình bày, vào khoảng thời gian từ 21/02/2014 đến 20/9/2014, ông H và vợ ông là bà Đỗ Thị Kim T có bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm cho ông cho

ông Huỳnh Văn X và con là ông Huỳnh Minh T1. Tính đến ngày 29/9/2014, ông X, ông T1 còn nợ số tiền 80.000.000đồng, hai bên có làm giấy kết nợ có chữ ký của bên mua, sau khi kết nợ, vợ chồng ông nhiều lần yêu cầu bên mua trả nợ nhưng bên mua không trả được nợ.

Theo bị đơn là ông T1 trình bày, ông và cha ông có ký hợp đồng thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với bà T và ông H như ông H đã trình bày. Do chăn nuôi thu lỗ giá cả sụt giảm nên mỗi lần bán heo, gà, vịt ông cũng có trả tiền thức ăn cho ông H và bà T nhưng trả không đủ. Đến ngày 29/9/2014 âm lịch hai bên tổng kết thì ông và cha ông còn nợ lại ông H và bà T số tiền 80.000.000đồng. Đến ngày này thì đại lý ngưng bán thức ăn nuôi heo còn thức ăn vịt gà thì vẫn bán. Lúc đó, ông có thỏa thuận mỗi tháng trả dần 10.000.000đồng nhưng đến nay không thực hiện được.

Do các bên đương sự không thống nhất được quyền và nghĩa vụ để giải quyết vụ việc từ đó phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử xem xét, phân tích, đánh giá các chứng cứ như sau:

Vào khoảng thời gian từ 21/02/2014 đến 20/9/2014, ông H và vợ ông là bà Đỗ Thị Kim T có bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm cho ông cho ông Huỳnh Văn X và con là ông Huỳnh Minh T1. Tính đến ngày 29/9/2014, ông X, ông T1 còn nợ số tiền 80.000.000đồng. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Huỳnh Minh T1 thừa nhận do chăn nuôi thua lỗ giá cả sụt giảm nên mỗi lần bán heo, gà, vịt ông cũng có trả tiền thức ăn cho ông H và bà T nhưng trả không đủ. Đến ngày 29/9/2014 âm lịch, hai bên tổng kết thì ông và cha ông còn nợ lại ông H và bà T số tiền 80.000.000đồng. Lúc đó, ông có thỏa thuận mỗi tháng trả dần 10.000.000đồng nhưng đến nay chưa trả được.

Xét về mặt hình thức hợp đồng mua bán thức ăn giữa hai bên lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của bên mua và bên bán. Xét về nội dung, trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có tiến hành tổng kết nợ, có làm “*Giấy nợ tiền thức ăn*” ngày 29/9/2014 âm lịch có chữ ký của ông T1, nội dung giấy nợ thể hiện số nợ của bị đơn còn lại là số tiền 80.000.000đồng, thỏa thuận mức lãi suất 0,95%/tháng, trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn là ông T1 cũng có ý kiến thừa nhận số nợ này vì vậy đây là chứng cứ không cần phải chứng minh.

Về yêu cầu tính lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc, thời gian tính lãi tính từ ngày 29/9/2014 âm lịch đến ngày 17/9/2018 tính tròn là 46 tháng, lãi suất 0,95%/tháng, thành tiền là 34.960.000đồng. Hội đồng xét nhận thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết đồng thời việc tính lãi cũng đã được hai bên thỏa thuận tại “*Giấy nợ tiền thức ăn*” ngày 29/9/2014 âm lịch vì vậy Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với số tiền 34.960.000đồng là phù hợp.

Như vậy tổng cộng số nợ gốc và tiền lãi là 114.960.000đồng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T về việc yêu cầu ông Huỳnh Minh T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 114.960.000đồng.

Về nghĩa vụ liên đới, ông X mặc dù không trực tiếp ký vào “*Giấy nợ tiền thức ăn*” ngày 29/9/2014Al tuy nhiên X có cùng ông T1 ký tên vào “*Hợp đồng thỏa thuận*” ngày 21/01/2014 vì vậy Hội đồng xét xử cần thiết phải buộc ông X có nghĩa vụ liên đới trả số nợ 114.960.000đồng cùng ông T1.

Bị đơn là ông T1 có ý kiến xin trả dần mỗi năm 20.000.000đồng cho đến khi hết nợ tuy nhiên ý kiến này không được ông H, bà T chấp nhận và việc thỏa thuận trả nợ sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành bản án.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Huỳnh Văn X, ông Huỳnh Minh T1 phải liên đới chịu số tiền án phí được tính như sau $114.960.000\text{đồng} \times 5\% = 5.748.000\text{đồng}$, tính theo phần mỗi người phải chịu 2.874.000đồng. Do ông X là người cao tuổi vì vậy được miễn án phí theo qui định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Ông H, bà T được chấp nhận yêu cầu vì vậy được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.874.000đồng theo biên lai thu số 0019749 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 430 và 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Út H và bà Đỗ Thị Kim T về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” với ông Huỳnh Văn X và ông Huỳnh Minh T1.

2. Buộc bà ông Huỳnh Văn X và ông Huỳnh Minh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Út H và bà Đỗ Thị Kim T số nợ gốc và lãi là 114.960.000đồng

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền như án tuyên, thì ngoài việc phải trả tiền còn phải chịu thêm phần lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Huỳnh Minh T1 phải có nghĩa vụ chịu số tiền 2.874.000đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Út H và bà Đỗ Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.874.000đồng theo biên lai thu số 0019749 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục TDS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Chí Cường